

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT, NĂM HỌC 2025 - 2026  
Trường: TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN, NGÕ QUYỀN, Nguyễn vọng 1

Lần xét thứ: 2

| TT | SBD    | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh            | Học sinh trường THCS    | ĐTB V+T+NN | ĐTB lớp 9 | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |      |           | Điểm xét tuyển |
|----|--------|---------------------|------------|-----------|---------------------|-------------------------|------------|-----------|---------|---------|----------|------|-----------|----------------|
|    |        |                     |            |           |                     |                         |            |           |         |         | Ngữ văn  | Toán | Ngoại ngữ |                |
| 1  | 300031 | Lê Quỳnh Anh        | 18/06/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đà Nẵng     | 27,7       | 9,44      |         |         | 7,25     | 8    | 8,75      | 24             |
| 2  | 300036 | Lưu Mỹ Anh          | 15/05/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đông Hải    | 27,7       | 9,24      |         |         | 8        | 6,5  | 9,5       | 24             |
| 3  | 300072 | Phạm Ngô Duy Anh    | 09/08/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Chu Văn An  | 28,2       | 9,3       |         |         | 6,5      | 8    | 9,5       | 24             |
| 4  | 300152 | Trịnh Khánh Chi     | 24/05/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Quang Trung | 25,7       | 9,06      |         |         | 8,5      | 7,6  | 8         | 24,1           |
| 5  | 300178 | Vũ Văn Tiến Dũng    | 30/12/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS An Đà       | 28         | 9,35      |         |         | 8        | 8,5  | 7,5       | 24             |
| 6  | 300179 | Đoàn Anh Duy        | 24/01/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Quang Trung | 26,4       | 8,9       |         |         | 7,25     | 7,75 | 9,25      | 24,25          |
| 7  | 300263 | Phạm Vũ Ngân Giang  | 26/10/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Chu Văn An  | 27,5       | 9,36      |         |         | 8,75     | 8    | 7,25      | 24             |
| 8  | 300283 | Dương Thanh Hằng    | 15/12/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đà Nẵng     | 26,7       | 9,16      |         |         | 8,5      | 7,25 | 8,25      | 24             |
| 9  | 300343 | Nguyễn Quốc Huy     | 25/05/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đà Nẵng     | 26,1       | 9,09      |         |         | 8        | 7,75 | 8,25      | 24             |
| 10 | 300352 | Nguyễn Khánh Huyền  | 10/10/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đà Nẵng     | 26,7       | 9,29      |         |         | 8        | 6,5  | 9,5       | 24             |
| 11 | 300364 | Phan Hoàng Gia Hưng | 04/10/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đà Nẵng     | 26,6       | 8,9       |         |         | 6,5      | 8,25 | 9,5       | 24,25          |
| 12 | 300604 | Phạm Hoàng Nam      | 21/01/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Chu Văn An  | 27,4       | 9,39      |         |         | 7        | 8    | 9         | 24             |
| 13 | 300665 | Dương Yến Nhi       | 26/08/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Quang Trung | 26,1       | 9,14      |         |         | 8        | 7,75 | 8,25      | 24             |
| 14 | 300731 | Nguyễn Đức Quang    | 30/03/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Trần Phú    | 26,9       | 9,32      |         |         | 7,5      | 6,75 | 9,75      | 24             |
| 15 | 300749 | Nguyễn Vũ Huy Quyền | 07/01/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Lạc Viên    | 28,5       | 9,67      |         |         | 8        | 7,25 | 8,75      | 24             |
| 16 | 300751 | Đỗ Trúc Quỳnh       | 05/10/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Lạc Viên    | 27,3       | 9,14      |         |         | 8,5      | 6,75 | 8,75      | 24             |
| 17 | 300781 | Đỗ Công Thành       | 20/07/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Trần Phú    | 27,3       | 9,36      |         |         | 7,75     | 8,5  | 7,75      | 24             |
| 18 | 300795 | Tạ Minh Thắng       | 03/08/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Chu Văn An  | 28,4       | 9,54      |         |         | 8,75     | 6,5  | 8,75      | 24             |

| TT | SBD    | Họ và tên       | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh            | Học sinh trường THCS   | ĐTB V+T+NN | ĐTB lớp 9 | Điểm UT | Điểm KK | Điểm thi |      |           | Điểm xét tuyển |
|----|--------|-----------------|------------|-----------|---------------------|------------------------|------------|-----------|---------|---------|----------|------|-----------|----------------|
|    |        |                 |            |           |                     |                        |            |           |         |         | Ngữ văn  | Toán | Ngoại ngữ |                |
| 19 | 300826 | Hoàng Minh Thu  | 13/09/2010 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đằng Hải   | 27,6       | 9,31      |         |         | 7,75     | 6,75 | 9,5       | 24             |
| 20 | 300859 | Nguyễn Minh Trí | 01/09/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đà Nẵng    | 26,8       | 9,11      |         |         | 7,75     | 6,75 | 9,5       | 24             |
| 21 | 300907 | Lê Quang Vinh   | 20/02/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Chu Văn An | 28,6       | 9,58      |         |         | 7        | 7,5  | 9,5       | 24             |
| 22 | 300914 | Nguyễn Anh Vũ   | 07/07/2010 | Nam       | Thành phố Hải Phòng | Trường THCS Đà Nẵng    | 26,6       | 9,21      |         |         | 7        | 7,75 | 9,25      | 24             |

Danh sách gồm: 22 thí sinh, trong đó:

- .....Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển;
- .....Thí sinh đủ không đủ điều kiện trúng tuyển;
- .....Thí sinh hồ sơ không hợp lệ, cần kiểm tra lại;

Hải Phòng, ngày 06 tháng 07 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đinh Minh Tuấn

